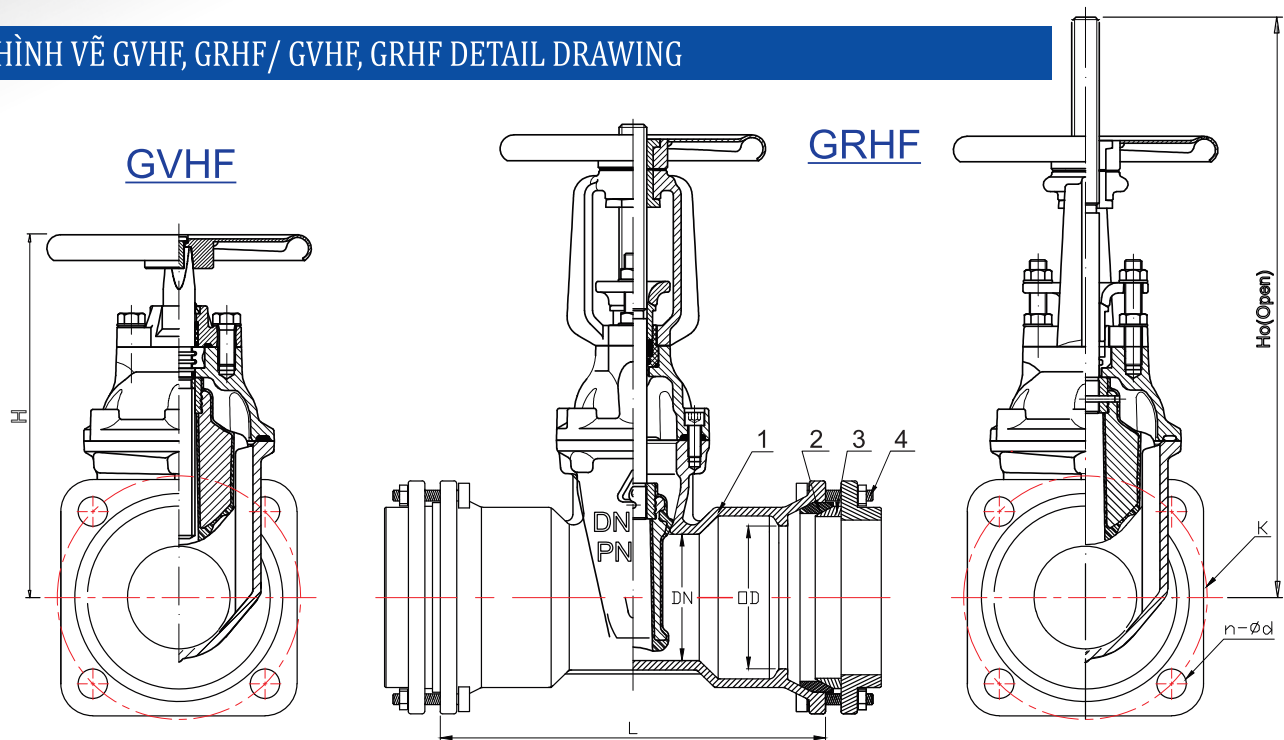


HÌNH VẼ GVHF, GRHF/ GVHF, GRHF DETAIL DRAWING



KÍCH THƯỚC GRHF, GVHF/ GRHF, GVHF DIMENSION (mm)

DN	OD Thép	OD Gang	OD HDPE	Model/ No.	L	K	n-Ød	H	Ho
50	60.3	66	63	GR(V)HF - 0050	259	120	2-Ø18.4	236	407
65	76.1	82	75	GR(V)HF - 0065	266	146.7	4-Ø19	277	456
80	88.9	98	90	GR(V)HF - 0080	283	169.7	4-Ø19	282	529
100	114.3	118	110	GR(V)HF - 0100	305	190.1	4-Ø23	314	590
125	139.7	144	140	GR(V)HF - 0125	320	225	4-Ø23	390	726
150	168.3	170	160	GR(V)HF - 0150	354	240	4-Ø23	417	825
200	219.1	222	225	GR(V)HF - 0200	375	300	6-Ø23	525	1030
250	273	274	250	GR(V)HF - 0250	390	355	6-Ø23	607	1206

DANH MỤC VẬT LIỆU/ PARTS LIST

No	Part Name	Material
01	Body	Ductile Iron
02	Rubber Ring	NBR
03	Compression Ring	Ductile Iron
04	Bolts & Nuts	Ductile Iron

THÔNG TIN ĐẶT HÀNG/ ORDER INFORMATION

GV H X - 0100 - 10 - D2 B

Loại - Model:
GV: Ty Chìm - Non-Rising Stem
GR: Ty Nổi - Rising Stem Gate Valve

Vận Hành - Operator:
H: Tay Quay - Handwheel
C: Nắp Chụp - Cap
G: Hộp Số - Wormgear

Kiểu Kết Nối - Extra Connection:
X: Mặt Bích - Flange
F: Nối F - Socket

D2: Gang Cầu - Ductile Iron
B: Màu Xanh - Blue
R: Màu Đỏ - Red

Mặt Bích và Áp Lực
Flange & Pressure
10: PN10 **16:** PN16 **25:** PN25
1K: JIS 10K **A1:** ANSI 150-LB

Cỡ Van - Valve Size
0100: DN100, **0200:** DN200